

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 36/2021/DS-ST
Ngày: 16 – 11 - 2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua
bán”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Thuận;

2. Ông: Nguyễn Thế Tụ.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trện - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2021/TLST-DS, ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXX-ST, ngày 25 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đoàn Văn H.

Địa chỉ: ấp Ô, xã T, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Trịnh Anh N và Phạm Thị N.

Địa chỉ: ấp 3, xã H, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Thời gian trước, nguyên đơn có bán xi măng cho bị đơn Trịnh Anh N và Phạm Thị N, đến ngày 25.11.2020 là lần mua cuối cùng với số tiền nợ là 235.200.000 đồng, sau đó bị đơn mua chỗ khác và trả dần nợ cho nguyên đơn.

Đến ngày 02.01.2021, sau 07 lần trả được 101.200.000 đồng, còn lại 134.000.000 đồng phía bị đơn không tiếp tục trả, nguyên đơn đã liên lạc nhiều lần nhưng không trả. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 134.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày tiếp theo ngày bị đơn mua hàng lần cuối, tức ngày 26.11.2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 11 tháng 20 ngày.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 10.6.2021, bị đơn Trịnh Anh N và Phạm Thị N thống nhất trình bày: vào năm 2019, vợ chồng bị đơn có làm ăn với anh Đoàn Văn H là mua xi măng, đến nay vợ chồng bị đơn còn thiếu lại anh H 134.000.000 đồng chưa trả được. Vợ chồng bị đơn có thỏa thuận với anh H là mỗi tháng sẽ trả cho anh H 40.000.000 đồng nhưng phía anh H không đồng ý. Trước yêu cầu của nguyên đơn, vợ chồng bị đơn đồng ý trả nguyên đơn 134.000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm cho rằng trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án. Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục của Bộ Luật tố tụng dân sự. Về nội dung: qua các chứng cứ có trong hồ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự mua bán tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trịnh Anh N và Phạm Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với Trịnh Anh N và Phạm Thị N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ gốc tiền mua xi măng 134.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm. Bị đơn thừa nhận còn thiếu số nợ như nguyên đơn trình bày và đồng ý trả nợ gốc và lãi suất theo quy định. Xét các bên đều có lời trình bày phù hợp nhau nên thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại

Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự nên yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

[4] Về mức lãi suất: nguyên đơn yêu cầu lãi suất 10%/năm (tức 0,833%/tháng) là không vi phạm pháp luật. Về thời gian tính lãi: từ ngày 26.11.2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 11 tháng 20 ngày. Tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện tính 11 tháng tròn là có lợi cho phía bị đơn nên được chấp nhận, lãi suất được tính như sau:

$134.000.000đ \times 0,833\%/tháng \times 11 \text{ tháng} = 12.278.420 \text{ đồng}$ là số tiền lãi bị đơn có nghĩa vụ trả nguyên đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi 12.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

[5] Qua phân tích, đánh giá chứng cứ, đủ cơ sở buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nguyên đơn 134.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất 12.000.000 đồng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% giá trị tài sản có nghĩa vụ: $146.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.300.000 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Trịnh Anh N và Phạm Thị N cùng có nghĩa vụ trả Đoàn Văn H tổng số tiền 146.000.000đ (Một trăm bốn mươi sáu triệu đồng). Trong đó: nợ gốc 134.000.000đ (Một trăm ba mươi bốn triệu đồng) và lãi suất là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Trịnh Anh N và Phạm Thị N phải nộp 7.300.000đ (Bảy triệu ba trăm ngàn đồng).

Đoàn Văn H được nhận lại 3.400.000đ (Ba triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án

số 0008783 ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THA huyện PH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Liêm